CHÍNH PHỦ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 67/2020/NĐ-CP	*Hà Nội, ngày 15 tháng 6 năm 2020*

NGHỊ ĐỊNH
Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 68/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh hàng miễn thuế, kho bãi, địa điểm làm thủ tục hải quan, tập kết, kiểm tra, giám sát hải quan

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Hải quan ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật đầu tư;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 68/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh hàng miễn thuế, kho bãi, địa điểm làm thủ tục hải quan, tập kết, kiểm tra, giám sát hải quan.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 68/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh hàng miễn thuế, kho bãi, địa điểm làm thủ tục hải quan, tập kết, kiểm tra, giám sát hải quan

1. Bổ sung khoản 8, khoản 9, khoản 10 Điều 3 như sau:

"8. Địa điểm tập kết, kiểm tra, giám sát tập trung đối với hàng bưu chính, chuyển phát nhanh là khu vực tập kết, kiểm tra, giám sát đối với thư, gói, kiện hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu được gửi qua dịch vụ bưu chính của doanh nghiệp bưu chính, doanh nghiệp chuyển phát nhanh.

9. Kho ngoại quan chuyên dùng là kho ngoại quan theo quy định tại Luật Hải quan được sử dụng để lưu giữ, bảo quản một hoặc một số chủng loại hàng hóa có yêu cầu bảo quản đặc biệt như chất lỏng, hóa chất, hàng đông lạnh hoặc hàng hóa phải được lưu giữ, bảo quản ở điều kiện nhiệt độ, ánh sáng và môi trường nhất định.

10. Bãi ngoại quan là khu vực bãi để tập kết, lưu giữ hàng rời và/hoặc các hàng hóa siêu trường, siêu trọng không cần mái che.".

2. Điểm d khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 4 được sửa đổi, bổ sung như sau:

"1. Vị trí đặt cửa hàng miễn thuế.

d) Kho chứa hàng miễn thuế đặt tại vị trí cùng với cửa hàng miễn thuế hoặc nằm trong khu vực cách ly, khu vực hạn chế hoặc khu vực cửa khẩu hoặc thuộc địa bàn hoạt động hải quan tại các khu vực ngoài cửa khẩu quy định tại Điều 8 Nghị định số 01/2015/NĐ-CP ngày 02 tháng 01 năm 2015 và khoản 3 Điều 1 Nghị định số 12/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 01 năm 2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 01/2015/NĐ-CP ngày 02 tháng 01 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết phạm vi địa bàn hoạt động hải quan; trách nhiệm phối hợp trong phòng, chống buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới.

2. Có phần mềm đáp ứng yêu cầu quản lý lưu giữ, kết xuất dữ liệu trực tuyến cho cơ quan hải quan về tên hàng, chủng loại, số lượng, tình trạng của hàng hóa, thời điểm hàng hóa đưa vào, đưa ra, lưu giữ trong cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế chi tiết theo tờ khai hải quan và đối tượng mua hàng để quản lý theo Hệ thống quản lý, giám sát hàng hóa tự động.

3. Có hệ thống camera đáp ứng kết nối trực tuyến với cơ quan hải quan quản lý. Hình ảnh quan sát được mọi vị trí của kho chứa hàng miễn thuế, cửa hàng miễn thuế, quầy nhận hàng trong khu cách ly vào tất cả các thời điểm trong ngày (24/24 giờ), dữ liệu về hình ảnh lưu giữ tối thiểu 06 tháng."

3. Điều 5 được sửa đổi, bổ sung như sau:

"Điều 5. Hồ sơ cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hàng miễn thuế

1. Văn bản đề nghị cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hàng miễn thuế theo Mẫu số 01 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này: 01 bản chính.

2. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đầu tư hoặc chứng từ khác quy định tại khoản 4 Điều 81 Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp: 01 bản chụp.

3. Sơ đồ thiết kế khu vực, vị trí cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế, vị trí lắp đặt hệ thống camera: 01 bản chụp.

4. Giấy chứng nhận đủ điều kiện phòng cháy và chữa cháy do cơ quan công an cấp (trừ trường hợp nằm trong khu vực đã được công nhận đủ điều kiện phòng cháy và chữa cháy): 01 bản chụp.".

4. Khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 7 được sửa đổi, bổ sung như sau:

"1. Các trường hợp tạm dừng hoạt động kinh doanh hàng miễn thuế

a) Tạm dừng theo đề nghị của doanh nghiệp;

b) Tạm dừng do trong 06 tháng liên tiếp không có hoạt động kinh doanh hàng miễn thuế.

2. Trình tự, thủ tục tạm dừng hoạt động kinh doanh hàng miễn thuế

a) Trường hợp tạm dừng theo đề nghị của doanh nghiệp

a.1) Doanh nghiệp gửi đề nghị theo Mẫu số 01 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này (01 bản chính) đến Cục Hải quan tỉnh, thành phố nơi quản lý hoạt động kinh doanh hàng miễn thuế của doanh nghiệp;

a.2) Cục Hải quan tỉnh, thành phố thông báo tạm dừng hoạt động kinh doanh hàng miễn thuế trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị tạm dừng hoạt động kinh doanh hàng miễn thuế của doanh nghiệp;

a.3) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày thông báo tạm dừng hoạt động kinh doanh hàng miễn thuế, Cục Hải quan tỉnh, thành phố thực hiện kiểm tra, lập biên bản xác nhận lượng hàng tồn tại cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế theo Mẫu số 04 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

a.4) Trong thời gian tạm dừng hoạt động, trường hợp có hàng hóa hết thời hạn lưu giữ tại Việt Nam, doanh nghiệp thực hiện các thủ tục gia hạn thời gian lưu giữ, tái xuất, tái nhập hoặc chuyển tiêu thụ nội địa theo quy định tại Điều 18 Nghị định số 167/2016/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định về kinh doanh hàng miễn thuế (sau đây gọi là Nghị định số 167/2016/NĐ-CP).

b) Trường hợp tạm dừng do trong 06 tháng liên tiếp không có hoạt động kinh doanh miễn thuế

b.1) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ khi kết thúc thời hạn quy định tại điểm b khoản 1 Điều này, Chi cục Hải quan quản lý hoạt động kinh doanh hàng miễn thuế báo cáo Cục Hải quan tỉnh, thành phố về việc tạm dừng hoạt động kinh doanh hàng miễn thuế của doanh nghiệp;

b.2) Cục Hải quan tỉnh, thành phố ra thông báo tạm dừng hoạt động kinh doanh hàng miễn thuế trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo của Chi cục Hải quan; thực hiện kiểm tra, xác nhận lượng hàng tồn tại cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế theo quy định tại điểm a.3 khoản này;

b.3) Trong thời gian tạm dừng hoạt động, trường hợp có hàng hóa hết thời hạn lưu giữ tại Việt Nam, doanh nghiệp thực hiện các thủ tục theo quy định tại điểm a.4 khoản này.

3. Trong thời gian tạm dừng hoạt động kinh doanh hàng miễn thuế, cơ quan hải quan thực hiện giám sát lượng hàng tồn tại cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế. Doanh nghiệp kinh doanh hàng miễn thuế chịu trách nhiệm bảo đảm nguyên trạng hàng hóa tại cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế. Trường hợp có hàng hóa đổ vỡ, hư hỏng, mất phẩm chất, kém chất lượng, hết hạn sử dụng thì thực hiện theo quy định tại khoản 8 Điều 6 và khoản 1 Điều 19 Nghị định số 167/2016/NĐ-CP."

5. Điểm đ khoản 1, khoản 2 Điều 8 được sửa đổi, bổ sung như sau:

"1. Các trường hợp thu hồi giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hàng miễn thuế

đ) Quá thời hạn tạm dừng hoạt động quy định tại khoản 5 Điều 7 Nghị định này, doanh nghiệp kinh doanh hàng miễn thuế không có thông báo hoạt động trở lại bằng văn bản theo Mẫu số 02 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này gửi Cục Hải quan tỉnh, thành phố nơi đã ra thông báo tạm dừng hoạt động kinh doanh hàng miễn thuế của doanh nghiệp.

2. Trình tự thu hồi giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hàng miễn thuế

a) Doanh nghiệp gửi văn bản đề nghị chấm dứt hoạt động kinh doanh hàng miễn thuế đến Cục Hải quan tỉnh, thành phố nơi quản lý hoạt động kinh doanh hàng miễn thuế.

b) Cục Hải quan tỉnh, thành phố ra thông báo chấm dứt hoạt động kinh doanh hàng miễn thuế theo Mẫu số 05 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của doanh nghiệp hoặc kể từ ngày phát hiện một trong các vi phạm của doanh nghiệp theo quy định tại điểm b, c, d, và đ khoản 1 Điều này;

c) Trách nhiệm của doanh nghiệp kinh doanh hàng miễn thuế sau khi nhận được thông báo chấm dứt của Cục Hải quan tỉnh, thành phố:

c.1) Lập báo cáo quyết toán kinh doanh hàng miễn thuế theo quy định tại Điều 21, Điều 22 Nghị định số 167/2016/NĐ-CP từ thời điểm kết thúc năm tài chính trước liền kề đến thời điểm thông báo chấm dứt và phương án xử lý hàng hóa còn đang tồn tại cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế, trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều này; nộp báo cáo quyết toán và phương án xử lý hàng hóa còn đang tồn tại cửa hàng miễn thuế, kho chứa

hàng miễn thuế của doanh nghiệp cho Chi cục Hải quan quản lý cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo chấm dứt của Cục Hải quan tỉnh, thành phố;

c.2) Thực hiện thủ tục tái xuất, tái nhập, chuyển tiêu thụ nội địa đối với hàng hóa còn tồn tại cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế trong vòng 30 ngày kể từ ngày cơ quan hải quan hoàn thành việc kiểm tra báo cáo quyết toán. Trường hợp cần kéo dài thời hạn, doanh nghiệp có văn bản đề nghị gia hạn gửi Chi cục Hải quan quản lý cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế; doanh nghiệp được gia hạn 01 lần không quá 30 ngày. Hàng hoá đổ vỡ, hư hỏng, mất phẩm chất, kém chất lượng, hết hạn sử dụng doanh nghiệp thực hiện xử lý theo quy định tại khoản 8 Điều 6 và khoản 1 Điều 19 Nghị định số 167/2016/NĐ-CP.

d) Trách nhiệm của Chi cục Hải quan quản lý cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế

d.1) Tiếp nhận báo cáo quyết toán và kiểm tra báo cáo quyết toán theo quy định tại khoản 6, khoản 8, khoản 9 và khoản 10 Điều 21 Nghị định số 167/2016/NĐ-CP của Chính phủ;

d.2) Tiếp nhận hồ sơ hải quan, kiểm tra hồ sơ hải quan, kiểm tra thực tế hàng hóa, thông quan hàng hóa đối với hàng hóa thực hiện tái xuất, tái nhập, chuyển tiêu thụ nội địa của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật hải quan;

d.3) Gia hạn thời gian thực hiện thủ tục tái xuất, tái nhập, chuyển tiêu thụ nội địa đối với hàng hóa còn tồn tại cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế trong vòng 03 ngày làm việc kể từ khi nhận được văn bản đề nghị gia hạn của doanh nghiệp và xử lý hàng hoá đổ vỡ, hư hỏng, mất phẩm chất, kém chất lượng, hết hạn sử dụng của doanh nghiệp đối với trường hợp quy định tại điểm c.2 khoản 2 Điều này;

d.4) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày hoàn thành việc xử lý hàng hóa còn tồn tại cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế, báo cáo Cục Hải quan tỉnh, thành phố quá trình, kết quả thực hiện xử lý hàng hóa và đề xuất về việc chấm dứt hoạt động của cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế của doanh nghiệp.

đ) Trách nhiệm của Cục Hải quan tỉnh, thành phố

Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo của Chi cục Hải quan quản lý cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế quy định tại điểm d khoản này, báo cáo Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan ra quyết định thu hồi giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hàng miễn thuế.

e) Trách nhiệm của Tổng cục Hải quan

Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan ra quyết định thu hồi giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hàng miễn thuế trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo của Cục Hải quan tỉnh, thành phố.".

6. Điều 10 được sửa đổi, bổ sung như sau:

"**Điều 10. Điều kiện công nhận kho ngoại quan**

1. Khu vực đề nghị công nhận kho, bãi ngoại quan phải nằm trong khu vực quy định tại khoản 1 Điều 62 Luật Hải quan hoặc khu kinh tế cửa khẩu hoặc khu vực được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nằm trong quy hoạch phát triển hệ thống trung tâm logistics.

2. Kho, bãi ngoại quan được ngăn cách với khu vực xung quanh bằng tường rào, đáp ứng yêu cầu kiểm tra, giám sát của cơ quan hải quan, trừ kho nằm trong khu vực cửa khẩu, cảng đã có tường rào ngăn cách biệt lập với khu vực xung quanh.

3. Diện tích

a) Kho ngoại quan nằm trong khu vực cảng biển, cảng thủy nội địa, cảng cạn, cảng hàng không quốc tế hoặc khu vực ga đường sắt liên vận quốc tế phải có diện tích kho chứa hàng tối thiểu 1.000 m^2;

b) Kho ngoại quan chuyên dùng có diện tích kho chứa hàng tối thiểu 1.000 m^2 hoặc thể tích kho chứa hàng tối thiểu 1.000 m^3;

c) Kho ngoại quan nằm trong khu công nghiệp phải có diện tích khu đất tối thiểu 4.000 m^2 (bao gồm kho, bãi và các công trình phụ trợ), trong đó kho chứa hàng phải có diện tích tối thiểu 1.000 m^2;

d) Kho ngoại quan không thuộc trường hợp quy định tại điểm a, điểm b, điểm c khoản này phải có diện tích khu đất tối thiểu 5.000 m^2 (bao gồm kho, bãi và các công trình phụ trợ), trong đó kho chứa hàng phải có diện tích tối thiểu 1.000 m^2;

đ) Bãi ngoại quan phải có diện tích tối thiểu 10.000 m^2, không yêu cầu diện tích kho.

4. Có phần mềm đáp ứng yêu cầu quản lý lưu giữ, kết xuất dữ liệu trực tuyến cho cơ quan hải quan về tên hàng, chủng loại, số lượng, tình trạng của hàng hóa, thời điểm hàng hóa đưa vào, đưa ra, lưu giữ trong kho ngoại quan chi tiết theo tờ khai hải quan để quản lý theo Hệ thống quản lý, giám sát hàng hóa tự động.

5. Có hệ thống camera đáp ứng kết nối trực tuyến với cơ quan hải quan quản lý. Hình ảnh quan sát được mọi vị trí của kho ngoại quan, bãi ngoại quan (bao gồm cổng, cửa và trong kho bãi, riêng kho ngoại quan chứa hàng đông lạnh không phải lắp đặt trong kho) vào tất cả các thời điểm trong ngày (24/24 giờ), dữ liệu về hình ảnh lưu giữ tối thiểu 06 tháng.".

7. Điều 11 được sửa đổi, bổ sung như sau:

"**Điều 11. Hồ sơ công nhận kho ngoại quan**

1. Văn bản đề nghị công nhận theo Mẫu số 01 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này: 01 bản chính.

2. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đầu tư hoặc chứng từ khác quy định tại khoản 4 Điều 81 Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp: 01 bản chụp.

3. Sơ đồ thiết kế khu vực kho, bãi, thể hiện rõ đường ranh giới ngăn cách với bên ngoài, vị trí các kho hàng, vị trí lắp đặt hệ thống camera, hệ thống đường vận chuyển nội bộ, bảo vệ, văn phòng kho và nơi làm việc của cơ quan hải quan: 01 bản chụp.

4. Giấy chứng nhận đủ điều kiện phòng cháy và chữa cháy do cơ quan công an cấp: 01 bản chụp."

8. Khoản 1, khoản 2, khoản 3 và khoản 6 Điều 14 được sửa đổi, bổ sung như sau:

"1. Các trường hợp tạm dừng hoạt động kho ngoại quan

a) Tạm dừng theo đề nghị của doanh nghiệp;

b) Tạm dừng do trong 06 tháng liên tiếp không có hoạt động đưa hàng hóa vào, ra kho ngoại quan.

2. Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan ra quyết định tạm dừng hoạt động kho ngoại quan.

3. Trình tự, thủ tục tạm dừng hoạt động

a) Trường hợp tạm dừng theo đề nghị của doanh nghiệp

Doanh nghiệp gửi văn bản đề nghị tạm dừng theo Mẫu số 01 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này cho Cục Hải quan tỉnh, thành phố nơi quản lý kho ngoại quan.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ khi nhận được văn bản đề nghị tạm dừng hoạt động kho ngoại quan của doanh nghiệp, Cục Hải quan tỉnh, thành phố thực hiện kiểm tra, lập biên bản xác nhận lượng hàng tồn tại kho với chủ kho theo Mẫu số 04 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này và báo cáo Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan.

Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan ra quyết định tạm dừng hoạt động kho ngoại quan trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo của Cục Hải quan tỉnh, thành phố. Thời gian tạm dừng hoạt động không quá 06 tháng.

b) Trường hợp tạm dừng hoạt động kho ngoại quan do trong 06 tháng liên tiếp không có hoạt động đưa hàng hóa vào, ra kho ngoại quan

Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ khi kết thúc thời hạn quy định tại điểm b khoản 1 Điều này, Chi cục Hải quan quản lý kho ngoại quan báo cáo Cục Hải quan tỉnh, thành phố về việc tạm dừng hoạt động của kho ngoại quan.

Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ khi nhận được báo cáo của Chi cục Hải quan quản lý kho ngoại quan, Cục Hải quan tỉnh, thành phố thực hiện kiểm tra, lập biên bản xác nhận lượng hàng tồn tại kho với chủ kho theo Mẫu số 04 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này và báo cáo Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan quyết định tạm dừng hoạt động kho ngoại quan theo quy định tại điểm a khoản này.

6. Trong thời gian tạm dừng hoạt động, trường hợp có nhu cầu hoạt động trở lại, doanh nghiệp có văn bản thông báo gửi cho Cục Hải quan tỉnh, thành phố theo Mẫu số 02 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

Trong thời hạn 05 ngày kể từ khi nhận được văn bản đề nghị của doanh nghiệp, Cục Hải quan tỉnh, thành phố thực hiện kiểm tra các điều kiện hoạt động, tình trạng hàng hóa tồn tại kho, lập biên bản xác nhận theo Mẫu số 04 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này và báo cáo Tổng cục Hải quan. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ khi nhận được báo cáo của Cục Hải quan tỉnh, thành phố, Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan ra quyết định hoạt động trở lại kho ngoại quan của doanh nghiệp.".

9. Khoản 4, khoản 5, khoản 6 Điều 19 được sửa đổi, bổ sung như sau:

"4. Có phần mềm đáp ứng yêu cầu quản lý lưu giữ, kết xuất dữ liệu trực tuyến cho cơ quan hải quan về tên hàng, số lượng, tình trạng của hàng hóa, thời điểm hàng hóa đưa vào, đưa ra, lưu giữ trong địa điểm thu gom hàng lẻ chi tiết theo vận đơn và/hoặc tờ khai hải quan để quản lý theo Hệ thống quản lý, giám sát hàng hóa tự động.

5. Có hệ thống camera đáp ứng kết nối trực tuyến với cơ quan hải quan quản lý. Hình ảnh quan sát được mọi vị trí của địa điểm thu gom hàng lẻ vào tất cả thời điểm trong ngày (24/24 giờ), dữ liệu về hình ảnh lưu giữ tối thiểu 06 tháng.

6. Đối với địa điểm thu gom hàng lẻ nằm trong khu vực cảng biển, cảng cạn

a) Trường hợp doanh nghiệp kinh doanh địa điểm thu gom hàng lẻ là doanh nghiệp kinh doanh cảng thì không phải thực hiện thủ tục công nhận theo quy định tại Nghị định này, nhưng phải làm thủ tục cấp mã địa điểm thu gom hàng lẻ để làm thủ tục hàng hóa đưa vào, đưa ra địa điểm thu gom hàng lẻ trước khi đưa địa điểm thu gom hàng lẻ vào hoạt động.

Doanh nghiệp kinh doanh cảng có văn bản gửi Cục Hải quan tỉnh, thành phố đề nghị cấp mã địa điểm thu gom hàng lẻ theo Mẫu số 03 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này (01 bản chính). Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của doanh nghiệp, Cục Hải quan tỉnh, thành phố hoàn thành việc kiểm tra thực tế địa điểm, báo cáo Tổng cục Hải quan về việc cấp mã địa điểm thu gom hàng lẻ. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ khi nhận được báo cáo của Cục Hải quan tỉnh, thành phố, Tổng cục Hải quan thực hiện cấp mã, thông báo cho doanh nghiệp và Cục Hải quan tỉnh, thành phố.

b) Trường hợp doanh nghiệp kinh doanh địa điểm thu gom hàng lẻ không phải là doanh nghiệp kinh doanh cảng, phải thực hiện công nhận địa điểm thu gom hàng lẻ thực hiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4 và khoản 5 Điều 19, Điều 20 Nghị định này.".

10. Điều 20 được sửa đổi, bổ sung như sau:

"**Điều 20. Hồ sơ công nhận địa điểm thu gom hàng lẻ**

1. Văn bản đề nghị công nhận theo Mẫu số 01 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này: 01 bản chính.

2. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đầu tư hoặc chứng từ khác quy định tại khoản 4 Điều 81 Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp: 01 bản chụp.

3. Sơ đồ thiết kế khu vực địa điểm thu gom hàng lẻ thể hiện rõ đường ranh giới ngăn cách với bên ngoài, vị trí các kho hàng, vị trí lắp đặt hệ thống camera, hệ thống đường vận chuyển nội bộ, bảo vệ, văn phòng kho và nơi làm việc của hải quan: 01 bản chụp.

4. Giấy chứng nhận đủ điều kiện phòng cháy và chữa cháy do cơ quan công an cấp: 01 bản chụp.".

11. Điều 22 được sửa đổi, bổ sung như sau:

"Điều 22. Điều kiện kiểm tra, giám sát kho xăng dầu

1. Có phần mềm đáp ứng yêu cầu quản lý lưu giữ, kết xuất dữ liệu trực tuyến cho cơ quan hải quan về tên hàng, chủng loại, nguồn gốc, số lượng, thời điểm hàng hóa đưa vào, đưa ra, lưu giữ tại các bồn bể trong kho xăng dầu chi tiết theo tờ khai hải quan để thực hiện Hệ thống quản lý, giám sát hàng hóa tự động.

Quy định này không áp dụng đối với các kho xăng dầu quân đội có chứa chung hàng nhập kinh doanh với hàng phục vụ quốc phòng

2. Có thiết bị đo mức bồn, bể tự động kết nối trực tuyến số lượng xăng dầu xuất, nhập, tồn kho với cơ quan hải quan.

Đối với kho xăng dầu quân đội, chỉ kết nối trực tuyến với đơn vị quản lý do Bộ Quốc phòng quy định.

3. Có hệ thống camera đáp ứng kết nối trực tuyến với cơ quan hải quan; đảm bảo quan sát được vào tất cả các thời điểm trong ngày (24/24 giờ) toàn cảnh khu vực kho, giám sát được mọi hoạt động đưa hàng hóa và phương tiện vận tải vào, ra kho xăng dầu. Dữ liệu về hình ảnh camera lưu giữ tối thiểu 06 tháng.

Đối với kho xăng dầu có đường ống bơm xăng dầu ngoài khơi không thể lắp đặt hệ thống camera tại khu vực phao neo đậu cách xa bờ, doanh nghiệp kinh doanh kho phải đảm bảo điều kiện làm việc để công chức hải quan giám sát trực tiếp.

Quy định này không áp dụng đối với các kho xăng dầu quân đội có chứa chung hàng nhập kinh doanh với hàng phục vụ quốc phòng."

12. Điều 23 được sửa đổi, bổ sung như sau:

"Điều 23. Hồ sơ xác nhận đủ điều kiện kiểm tra, giám sát của cơ quan hải quan

Thương nhân đầu mối hoặc thương nhân kinh doanh dịch vụ xăng dầu quy định tại Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị xác nhận kho xăng dầu đủ điều kiện kiểm tra, giám sát của cơ quan gồm các tài liệu sau:

1. Văn bản đề nghị xác nhận đủ điều kiện kiểm tra, giám sát của cơ quan hải quan theo Mẫu số 01 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này: 01 bản chính.

2. Sơ đồ thiết kế khu vực kho, thể hiện rõ đường ranh giới ngăn cách với bên ngoài, vị trí các kho, bồn, bể chứa, vị trí lắp đặt hệ thống camera: 01 bản chụp.

3. Giấy chứng nhận đủ điều kiện phòng cháy và chữa cháy do cơ quan công an cấp: 01 bản sao.".

13. Khoản 2, khoản 5, khoản 6 Điều 25 được sửa đổi, bổ sung như sau:

"2. Kho hàng không kéo dài để lưu giữ hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu được vận chuyển bằng đường hàng không qua sân bay quốc tế Nội Bài và sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất phải có diện tích khu đất tối thiểu 5.000 m^2 (bao gồm kho, bãi và các công trình phụ trợ), trong đó kho chứa hàng phải có diện tích tối thiểu 2.000 m^2. Đối với các cảng hàng không quốc tế còn lại và cảng hàng không nội địa được phép khai thác chuyến bay quốc tế, kho hàng không kéo dài phải có diện tích khu đất tối thiểu 2.000 m^2 (bao gồm kho, bãi và các công trình phụ trợ), trong đó kho chứa hàng phải có diện tích tối thiểu 1.000 m^2. Kho, bãi được ngăn cách với khu vực xung quanh bằng tường rào, có khu vực chứa hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu riêng biệt.

Đối với kho hàng không kéo dài đã được thành lập và công nhận đủ điều kiện tập kết, kiểm tra, giám sát hải quan trước ngày Nghị định này có hiệu lực được phép tiếp tục hoạt động theo quyết định công nhận đã ban hành.

5. Có phần mềm đáp ứng yêu cầu quản lý lưu giữ, kết xuất dữ liệu trực tuyến cho cơ quan hải quan về tên hàng, số lượng, tình trạng của hàng hóa, thời điểm hàng hóa đưa vào, đưa ra, lưu giữ trong kho hàng không kéo dài chi tiết theo vận đơn và/hoặc tờ khai hải quan để quản lý theo Hệ thống quản lý, giám sát hàng hóa tự động.

6. Có hệ thống camera đáp ứng kết nối trực tuyến với cơ quan hải quan quản lý. Hình ảnh quan sát được mọi vị trí của kho vào tất cả thời điểm trong ngày (24/24 giờ), dữ liệu về hình ảnh lưu giữ tối thiểu 06 tháng.".

14. Điều 26 được sửa đổi, bổ sung như sau:

"Điều 26. Hồ sơ công nhận kho hàng không kéo dài

1. Văn bản đề nghị công nhận theo Mẫu số 01 Phụ lục ban hành kèm theoNghị định này: 01 bản chính.

2. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đầu tư hoặc chứng từ khác quy định tại khoản 4 Điều 81 Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp: 01 bản chụp.

3. Sơ đồ thiết kế khu vực kho thể hiện rõ đường ranh giới ngăn cách với bên ngoài, vị trí các kho hàng, vị trí lắp đặt hệ thống camera, hệ thống đường vận chuyển nội bộ, bảo vệ, văn phòng kho và nơi làm việc của hải quan: 01 bản chụp.

4. Giấy chứng nhận đủ điều kiện phòng cháy và chữa cháy do cơ quan công an cấp: 01 bản sao.".

15. Điều 31 được sửa đổi, bổ sung như sau:

"Điều 31. Điều kiện công nhận địa điểm làm thủ tục hải quan tại cảng xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa được thành lập trong nội địa

"1. Địa điểm làm thủ tục hải quan tại cảng xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa được thành lập trong nội địa phải có diện tích khu đất tối thiểu 50.000 m^2. Địa điểm làm thủ tục hải quan tại cảng xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa được thành lập trong nội địa nằm trong khu công nghiệp phải có diện tích khu đất tối thiểu 20.000 m^2.

2. Có phần mềm đáp ứng yêu cầu quản lý lưu giữ, kết xuất dữ liệu trực tuyến cho cơ quan hải quan về tên hàng, số lượng, tình trạng của hàng hóa, thời điểm hàng hóa đưa vào, đưa ra, lưu giữ trong địa điểm chi tiết theo vận đơn và/hoặc tờ khai hải quan để quản lý theo Hệ thống quản lý, giám sát hàng hóa tự động.

3. Có hệ thống camera đáp ứng kết nối trực tuyến với cơ quan hải quan quản lý. Hình ảnh quan sát được mọi vị trí của địa điểm làm thủ tục hải quan vào tất cả thời điểm trong ngày (24/24 giờ), dữ liệu về hình ảnh lưu giữ tối thiểu 06 tháng.".

16. Điều 32 được sửa đổi, bổ sung như sau:

"Điều 32. Hồ sơ công nhận địa điểm làm thủ tục hải quan tại cảng xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa được thành lập trong nội địa

1. Văn bản đề nghị công nhận theo Mẫu số 01 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này: 01 bản chính.

2. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đầu tư hoặc chứng từ khác quy định tại khoản 4 Điều 81 Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp: 01 bản chụp.

3. Sơ đồ thiết kế khu vực địa điểm làm thủ tục hải quan tại cảng xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa được thành lập trong nội địa thể hiện rõ đường ranh giới ngăn cách với bên ngoài, vị trí các kho hàng, vị trí lắp đặt hệ thống

camera, nơi tập kết hàng xuất khẩu, nơi tập kết hàng nhập khẩu, nơi tập kết xe công-ten-nơ, nơi kiểm tra thực tế, bảo vệ, văn phòng kho và nơi làm việc của hải quan: 01 bản chụp.

4. Quyết định công bố mở cảng cạn của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải: 01 bản chụp.

5. Giấy chứng nhận đủ điều kiện phòng cháy và chữa cháy do cơ quan công an cấp: 01 bản sao.".

17. Bổ sung điểm e khoản 1 Điều 35 như sau:

"e) Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ra Quyết định đóng cảng cạn."

18. Điều 36 được sửa đổi, bổ sung như sau:

"**Điều 36. Điều kiện công nhận địa điểm tập kết, kiểm tra, giám sát hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu tập trung; địa điểm tập kết, kiểm tra, giám sát hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu ở khu vực biên giới; địa điểm tập kết, kiểm tra, giám sát tập trung đối với hàng bưu chính, chuyển phát nhanh**

1. Vị trí:

a) Địa điểm tập kết, kiểm tra, giám sát hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu tập trung nằm trong các khu vực cửa khẩu hoặc khu công nghiệp hoặc khu công nghệ cao hoặc khu kinh tế cửa khẩu hoặc khu vực được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch phát triển hệ thống trung tâm logistics.

b) Địa điểm tập kết, kiểm tra giám sát tập trung đối với hàng bưu chính, chuyển phát nhanh, trừ địa điểm chỉ có doanh nghiệp được chỉ định theo Luật Bưu chính hoạt động, nằm trong quy hoạch khu vực cảng hàng không quốc tế theo quy định của pháp luật hoặc trong khu vực cửa khẩu đường bộ quốc tế hoặc cửa khẩu ga đường sắt liên vận quốc tế hoặc khu vực được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch phát triển hệ thống trung tâm logistics.

c) Địa điểm tập kết, kiểm tra, giám sát hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu ở khu vực biên giới nằm trong khu kinh tế cửa khẩu hoặc khu vực cửa khẩu biên giới đất liền. Trường hợp nằm ngoài khu kinh tế cửa khẩu thì cách khu vực cửa khẩu có bán kính không quá 10 km.

2. Diện tích:

a) Địa điểm tập kết, kiểm tra, giám sát hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu tập trung có diện tích khu đất tối thiểu 10.000 m^2;

b) Địa điểm tập kết, kiểm tra, giám sát tập trung đối với hàng bưu chính, chuyển phát nhanh:

b.1) Đối với địa điểm trong khu vực cửa khẩu đường bộ quốc tế, cửa khẩu ga đường sắt liên vận quốc tế có diện tích khu đất tối thiểu là 1.000 m^2;

b.2) Đối với địa điểm trong khu vực được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch phát triển hệ thống trung tâm logistics có diện tích khu đất tối thiểu là 5.000 m^2;

b.3) Đối với địa điểm trong quy hoạch khu vực cảng hàng không quốc tế có từ 02 doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính, kinh doanh dịch vụ chuyển phát nhanh hoạt động trở lên có diện tích khu đất tối thiểu là 5.000 m^2. Trường hợp địa điểm nằm trong quy hoạch này chỉ có 01 doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính, kinh doanh dịch vụ chuyển phát nhanh hoạt động thì diện tích khu đất tối thiểu là 2.000 m^2;

b.4) Đối với các địa điểm chỉ có doanh nghiệp được chỉ định theo Luật Bưu chính hoạt động thì diện tích khu đất tối thiểu là 500 m^2 và diện tích sàn sử dụng tối thiểu là 1.000 m^2.

c) Địa điểm tập kết, kiểm tra, giám sát hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu ở khu vực biên giới tại cửa khẩu quốc tế, cửa khẩu chính có diện tích khu đất tối thiểu 5.000 m^2. Các địa điểm tập kết, kiểm tra, giám sát hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu ở khu vực biên giới nằm tại khu vực khác có diện tích khu đất tối thiểu 3.000 m^2.

3. Cơ sở vật chất, trang thiết bị

a) Địa điểm được ngăn cách với khu vực xung quanh bằng tường rào, đáp ứng yêu cầu kiểm tra, giám sát của cơ quan hải quan, trừ địa điểm nằm trong khu vực cửa khẩu, cảng đã có tường rào ngăn cách biệt lập với khu vực xung quanh;

b) Có phần mềm đáp ứng yêu cầu quản lý lưu giữ, kết xuất dữ liệu trực tuyến cho cơ quan hải quan về tên hàng, số lượng, tình trạng của hàng hóa, thời điểm hàng hóa đưa vào, đưa ra, lưu giữ trong địa điểm chi tiết theo vận đơn và/hoặc tờ khai hải quan để quản lý theo Hệ thống quản lý, giám sát hàng hóa tự động;

c) Có hệ thống camera đáp ứng kết nối trực tuyến với cơ quan hải quan quản lý. Hình ảnh quan sát được mọi vị trí của địa điểm vào tất cả các thời điểm trong ngày (24/24 giờ), dữ liệu về hình ảnh được lưu giữ tối thiểu trong 06 tháng;

d) Đối với địa điểm tập kết, kiểm tra, giám sát tập trung đối với hàng bưu chính, chuyển phát nhanh: Doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính, kinh doanh dịch vụ chuyển phát nhanh thuê kho tại các địa điểm đã được công nhận theo quy định được lựa chọn sử dụng phần mềm của doanh nghiệp kinh doanh địa điểm hoặc tự trang bị phần mềm đáp ứng theo quy định.

19. Điều 37 được sửa đổi, bổ sung như sau:

"Điều 37. Hồ sơ và trình tự công nhận địa điểm tập kết, kiểm tra, giám sát hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu tập trung; địa điểm tập kết, kiểm tra, giám sát hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu ở khu vực biên giới; địa điểm tập kết, kiểm tra, giám sát tập trung đối với hàng bưu chính, chuyển phát nhanh

1. Hồ sơ công nhận

a) Văn bản đề nghị công nhận theo Mẫu số 01 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này: 01 bản chính;

b) Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đầu tư hoặc chứng từ khác quy định tại khoản 4 Điều 81 Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp: 01 bản chụp;

c) Sơ đồ thiết kế khu vực địa điểm tập kết, kiểm tra, giám sát hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu tập trung; địa điểm tập kết, kiểm tra giám sát tập trung đối với hàng chuyển phát nhanh, hàng bưu chính; địa điểm tập kết, kiểm tra, giám sát hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu ở biên giới thể hiện rõ đường ranh giới ngăn cách với bên ngoài, vị trí các kho hàng, vị trí lắp đặt hệ thống camera, nơi tập kết hàng xuất khẩu, nơi tập kết hàng nhập khẩu, nơi tập kết phương tiện vận tải, nơi kiểm tra thực tế, bảo vệ, văn phòng kho và nơi làm việc của hải quan: 01 bản chụp;

d) Giấy chứng nhận đủ điều kiện phòng cháy và chữa cháy do cơ quan công an cấp: 01 bản sao;

đ) Văn bản quy hoạch cảng hàng không quốc tế hoặc văn bản được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch phát triển hệ thống trung tâm logistics đối với trường hợp công nhận địa điểm tập kết, kiểm tra, giám sát tập trung đối với hàng bưu chính, chuyển phát nhanh nằm trong quy hoạch khu vực cảng hàng không quốc tế hoặc khu vực quy hoạch phát triển hệ thống trung tâm logistics: 01 bản chụp.

2. Trình tự công nhận địa điểm tập kết, kiểm tra, giám sát hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu tập trung; địa điểm tập kết, kiểm tra, giám sát hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu ở khu vực biên giới; địa điểm tập kết, kiểm tra, giám sát tập trung đối với hàng bưu chính, chuyển phát nhanh thực hiện theo quy định tại Điều 12 Nghị định này.

3. Doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính, kinh doanh dịch vụ chuyển phát nhanh thuê kho trong địa điểm tập kết, kiểm tra, giám sát tập trung đối với hàng bưu chính, chuyển phát nhanh:

a) Doanh nghiệp thực hiện thông báo bằng văn bản cho Cục Hải quan tỉnh, thành phố nơi quản lý hoạt động địa điểm tập kết, kiểm tra, giám sát tập trung đối với hàng bưu chính, chuyển phát nhanh về vị trí kho, hệ thống camera giám sát, phần mềm;

b) Cục Hải quan tỉnh, thành phố thực hiện kiểm tra thực tế vị trí kho; hệ thống camera giám sát; phần mềm trong trường hợp doanh nghiệp không sử dụng phần mềm của doanh nghiệp kinh doanh địa điểm;

c) Doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính, kinh doanh dịch vụ chuyển phát nhanh chỉ được đưa hàng hóa vào địa điểm sau khi Cục Hải quan tỉnh, thành phố có văn bản thông báo kho đã đáp ứng các điều kiện kiểm tra, giám sát, kiểm soát của cơ quan hải quan."

20. Điều 38 được sửa đổi, bổ sung như sau:

"Điều 38. Trình tự mở rộng, thu hẹp, di chuyển, đổi tên, chuyển quyền sở hữu, tạm dừng, chấm dứt hoạt động địa điểm tập kết, kiểm tra, giám sát hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu tập trung; địa điểm tập kết, kiểm tra, giám sát hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu ở khu vực biên giới; địa điểm tập kết, kiểm tra, giám sát tập trung đối với hàng bưu chính, chuyển phát nhanh; kho bảo thuế

Khi mở rộng, thu hẹp, đổi tên, di chuyển, chuyển quyền sở hữu, tạm dừng, chấm dứt hoạt động địa điểm tập kết, kiểm tra, giám sát hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu tập trung; địa điểm tập kết, kiểm tra, giám sát hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu ở khu vực biên giới; địa điểm tập kết, kiểm tra, giám sát tập trung đối với hàng bưu chính, chuyển phát nhanh; kho bảo thuế, doanh nghiệp kinh doanh địa điểm thực hiện theo quy định tại Điều 13, Điều 14, Điều 15 Nghị định này.".

21. Bổ sung Điều 38a như sau:

"Điều 38a. Công nhận kho, bãi, địa điểm trong khu vực cảng biển, cảng thủy nội địa, cảng hàng không quốc tế, ga đường sắt liên vận quốc tế đủ điều kiện tập kết, kiểm tra, giám sát hải quan

1. Đối với các kho, bãi, địa điểm nằm trong khu vực cảng biển, cảng thủy nội địa, cảng hàng không quốc tế, ga đường sắt liên vận quốc tế được cơ quan có thẩm quyền quy hoạch và công bố thì doanh nghiệp kinh doanh địa điểm tập kết, lưu giữ hàng hóa xuất, nhập khẩu đề nghị Tổng cục Hải quan thực hiện thủ tục công nhận địa điểm tập kết, kiểm tra, giám sát hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu đủ điều kiện tập kết, kiểm tra, giám sát hải quan và chịu sự kiểm tra, giám sát, kiểm soát của cơ quan hải quan (sau đây gọi là kho, bãi, địa điểm tập kết, lưu giữ hàng hóa).

Đối với các kho, bãi, địa điểm trong khu vực cảng biển, cảng thủy nội địa, cảng hàng không quốc tế, ga đường sắt liên vận quốc tế được Bộ Giao thông vận tải công bố trước khi Nghị định này có hiệu lực không phải thực hiện công nhận theo quy định tại Điều này.

2. Kho, bãi, địa điểm tập kết, lưu giữ hàng hóa phải đáp ứng điều kiện về cơ sở vật chất, trang thiết bị theo quy định tại khoản 3 Điều 36 Nghị định này.

3. Diện tích

a) Kho, bãi, địa điểm tập kết, lưu giữ hàng hóa trong khu vực cảng biển, cảng thủy nội địa thuộc quyết định công bố mở, thành lập cảng biển, cảng thủy nội địa, diện tích công nhận được xác định theo đề nghị công nhận của doanh nghiệp;

b) Kho, bãi, địa điểm tập kết, lưu giữ hàng hóa nằm trong quy hoạch cảng hàng không quốc tế Nội Bài và Tân Sơn Nhất phải có diện tích khu đất tối thiểu 1.000 m^2. Đối với các cảng hàng không quốc tế còn lại và cảng hàng không nội địa được phép khai thác chuyến bay quốc tế, kho, bãi, địa điểm tập kết, lưu giữ hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu đáp ứng điều kiện kiểm tra, giám sát hải quan phải có diện tích khu đất tối thiểu 500 m^2;

c) Kho, bãi, địa điểm tập kết, lưu giữ hàng hóa nằm trong khu vực ga đường sắt liên vận quốc tế phải có diện tích khu đất tối thiểu 1.000 m^2.

4. Hồ sơ công nhận

a) Văn bản đề nghị công nhận theo Mẫu số 01 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này: 01 bản chính;

b) Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đầu tư hoặc chứng từ khác quy định tại khoản 4 Điều 81 Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp: 01 bản chụp;

c) Quyết định công bố mở, thành lập cảng biển, cảng thủy nội địa, cảng hàng không quốc tế, ga đường sắt liên vận quốc tế của cơ quan có thẩm quyền: 01 bản chụp;

d) Sơ đồ thiết kế khu vực đề nghị công nhận địa điểm tập kết, lưu giữ hàng hóa thể hiện rõ đường ranh giới ngăn cách với bên ngoài, vị trí lắp đặt hệ thống camera, hệ thống đường vận chuyển nội bộ, bảo vệ và nơi làm việc của hải quan: 01 bản chụp.

5. Trình tự công nhận đối với các kho, bãi, địa điểm nằm trong khu vực cảng biển, cảng thủy nội địa, cảng hàng không quốc tế, ga đường sắt liên vận quốc tế được cơ quan có thẩm quyền quy hoạch và công bố

Doanh nghiệp kinh doanh kho, bãi, địa điểm tập kết, lưu giữ hàng hóa tại cảng biển, cảng thủy nội địa, cảng hàng không quốc tế, ga đường sắt liên vận quốc tế thực hiện thủ tục công nhận kho, bãi, địa điểm tập kết, lưu giữ hàng hóa theo trình tự quy định tại Điều 12 Nghị định này trước khi đưa hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu vào tập kết để làm thủ tục hải quan.

6. Doanh nghiệp thực hiện mở rộng, thu hẹp, đổi tên, di chuyển, chuyển quyền sở hữu, tạm dừng, chấm dứt hoạt động địa điểm tập kết, lưu giữ hàng hóa tại khu vực cảng biển, cảng thủy nội địa, cảng hàng không quốc tế, ga đường sắt liên vận quốc tế theo trình tự quy định tại Điều 13, Điều 14 và Điều 15 Nghị định này.".

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 10 tháng 8 năm 2020.

2. Nghị định này bãi bỏ các quy định tại: điểm c khoản 1 Điều 9, điểm c khoản 1 Điều 13, khoản 3 Điều 19, khoản 3, khoản 4 Điều 25, điểm c khoản 1 Điều 34 Nghị định số 68/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh hàng miễn thuế, kho bãi, địa điểm làm thủ tục hải quan, tập kết, kiểm tra, giám sát hải quan; cụm từ "tập trung như" tại điểm 3 khoản 2 Điều 1 Nghị định số 59/2018/NĐ-CP ngày 20 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ;

Điều 3. Điều khoản chuyển tiếp

1. Thương nhân đầu mối hoặc thương nhân kinh doanh dịch vụ xăng dầu đã được cơ quan hải quan công nhận đủ điều kiện kinh doanh, đủ điều kiện kiểm tra, giám sát hải quan có trách nhiệm thực hiện trang bị thiết bị đo mức bồn, bể tự động đáp ứng điều kiện theo quy định tại Nghị định này trong thời hạn 02 năm kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành.

2. Đối với kho, bãi, địa điểm đã được công nhận trước thời điểm Nghị định này có hiệu lực nhưng không đáp ứng điều kiện quy định về phần mềm tại Nghị định này, doanh nghiệp thực hiện nâng cấp phần mềm đáp ứng điều kiện theo quy định tại Nghị định này trong thời hạn 01 năm kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan có trách nhiệm ban hành định dạng thông điệp dữ liệu trao đổi giữa cơ quan hải quan và doanh nghiệp để thực hiện quy định tại khoản 2 Điều 4, khoản 5 Điều 10, khoản 4 Điều 19, khoản 1 Điều 22, khoản 5 Điều 25, khoản 1 Điều 31, điểm c khoản 3 Điều 36 Nghị định này.

2. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG

Nguyễn Xuân Phúc

Nơi nhận:
- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KTTH (2). 110

Phụ lục

SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MẪU QUẢN LÝ HẢI QUAN ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HÀNG MIỄN THUẾ, KHO BÃI, ĐỊA ĐIỂM LÀM THỦ TỤC HẢI QUAN, TẬP KẾT, KIỂM TRA, GIÁM SÁT HẢI QUAN

(Kèm theo Nghị định số...61./2020/NĐ-CP ngày .15.. tháng ..6.. năm 2020 của Chính phủ)

Mẫu số 01	Đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hàng miễn thuế; công nhận, xác nhận/mở rộng/thu hẹp/di chuyển/chuyển quyền sở hữu/tạm dừng, chấm dứt hoạt động kinh doanh hàng miễn thuế, kho bãi, địa điểm làm thủ tục hải quan, tập kết, kiểm tra, giám sát hải quan
Mẫu số 02	Thông báo hoạt động trở lại cửa hàng hàng miễn thuế; công nhận, xác nhận kho bãi, địa điểm làm thủ tục hải quan, tập kết, kiểm tra, giám sát hải quan
Mẫu số 03	Văn bản đề nghị cấp mã kho đối với địa điểm thu gom hàng lẻ của doanh nghiệp kinh doanh địa điểm thu gom hàng lẻ đồng thời là chủ doanh nghiệp kinh doanh cảng
Mẫu số 04	Biên bản xác nhận lượng hàng tồn tại cửa hàng miễn thuế, kho bãi, địa điểm của cơ quan hải quan với doanh nghiệp kinh doanh cửa hàng miễn, kho bãi, địa điểm.
Mẫu số 05	Thông báo về việc chấm dứt hoạt động kinh doanh hàng miễn thuế.

Mẫu số 01

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng ... năm ...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ ..... (1)
Kính gửi: Tổng cục Hải quan/Cục Hải quan tỉnh, thành phố.

1. Doanh nghiệp đề nghị cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hàng miễn thuế; công nhận, xác nhận/mở rộng/thu hẹp/di chuyển/chuyển quyền sở hữu/tạm dừng, chấm dứt hoạt động kinh doanh hàng miễn thuế, kho bãi, địa điểm:

- Tên doanh nghiệp:..... .....
- Mã số thuế:.....
- Trụ sở chính tại:..... .....
- Số điện thoại: ..... Số fax:.....
- Giấy chứng nhận ...(2)..... số: ..... ngày....tháng.....năm.....;

Cơ quan cấp:.....

Ngành nghề kinh doanh: ..... (chỉ kê ngành nghề kinh doanh liên quan đến kinh doanh hàng miễn thuế, kho bãi, địa điểm).

2. Đề nghị (3) ..... tại.....(4).....

3. Khu vực đề nghị .... có diện tích: ..... m^2.

Tổng diện tích: ..... m^2, trong đó:

- Diện tích nhà kho: .... m^2;
- Diện tích bãi: .... m^2;
- Diện tích kho chứa tang vật vi phạm (nếu có): .... m^2;
- Nơi làm việc của Hải quan kho: .... m^2;
- Các công trình phụ trợ (nếu có) .... m^2.

Công ty cam kết diện tích khu đất kho, bãi, địa điểm đề nghị.....thuộc quyền sở hữu/quyền sử dụng của Công ty do .....cấp theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số.....(hoặc hợp đồng thuê). Công ty xin chịu trách nhiệm về quyền sử dụng đất cũng như mục đích sử dụng khu đất theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

4. Cam kết phòng cháy chữa cháy: hiện nay Công ty đã được ..... chứng nhận đủ điều kiện phòng cháy, chữa cháy theo quy định của ..... tại văn bản số.....Công ty chịu trách nhiệm về các trường hợp phòng cháy chữa cháy khi xảy ra tại kho, bãi, địa điểm đã được công nhận.

5. Hồ sơ kèm theo đơn:..... . (5)

Doanh nghiệp cam đoan các nội dung trên là đúng; đồng thời chấp hành và thực hiện đúng các quy định pháp luật về hoạt động của .....(1).

GIÁM ĐỐC DOANH NGHIỆP
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú:

(1) Ghi rõ đề nghị công nhận, mở rộng, thu hẹp, di chuyển, chuyển quyền sở hữu, tạm dừng, chấm dứt hoạt động và tên cửa hàng miễn thuế, địa điểm, kho, bãi.

Đối với kho xăng dầu thì ghi là: "Đơn đề nghị xác nhận đủ điều kiện, kiểm tra, giám sát hải quan".

(2) Ghi rõ loại giấy tờ theo quy định tại khoản 4 Điều 81 Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ.

(3) Trường hợp đề nghị tạm dừng hoạt động, doanh nghiệp nêu rõ lý do, thời hạn hoạt động trở lại.

(4) Đối với đơn đề nghị công nhận, mở rộng, thu hẹp, di chuyển địa điểm kinh doanh hàng miễn thuế thì ghi rõ địa chỉ của địa điểm kinh doanh hàng miễn thuế và bán hàng miễn thuế cho đối tượng nào.

(5) Liệt kê danh mục hồ sơ theo quy định.

Mẫu số 02

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng ... năm ...

THÔNG BÁO HOẠT ĐỘNG TRỞ LẠI .....

Kính gửi: Tổng cục Hải quan/Cục Hải quan tỉnh, thành phố.

1. Doanh nghiệp thông báo hoạt động trở lại

- Tên doanh nghiệp:..... .....
- Mã số thuế:..... .....
- Trụ sở chính tại:..... .....
- Số điện thoại: ..... Số fax:.....

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đầu tư số: ..... ngày....tháng.....năm.....;

Cơ quan cấp:..... .....

Ngành nghề kinh doanh: ..... (chỉ kê ngành nghề kinh doanh liên quan đến kinh doanh hàng miễn thuế, kho bãi, địa điểm).

2. Đề nghị hoạt động trở lại ..... có vị trí tại..... .....

3. Cửa hàng miễn thuế, kho bãi, địa điểm hoạt động trở lại đã tạm dừng hoạt động theo Đơn đề nghị số ..... ngày...tháng.....năm....của doanh nghiệp và Thông báo tạm dừng hoạt động số.....ngày....tháng.....năm.... của Cục Hải quan/Tổng cục Hải quan.

4. Lý do hoạt động trở lại:.....

5. Hồ sơ kèm theo đơn:..... .....

- ...

Doanh nghiệp cam đoan các nội dung trên là đúng; đồng thời chấp hành và thực hiện đúng các quy định pháp luật về hoạt động của ...

GIÁM ĐỐC DOANH NGHIỆP
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu số 03

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng ... năm ...

Kính gửi: Cục Hải quan tỉnh, thành phố…
(nơi có địa điểm thu gom hàng lẻ)

Thực hiện Nghị định số...../2020/NĐ-CP ngày ..... tháng ..... năm 2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 68/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ, Công ty…….đề nghị Tổng cục Hải quan, Cục Hải quan tỉnh…..cấp mã địa điểm thu gom hàng lẻ của chúng tôi, cụ thể như sau:

1. Tên Công ty:…… Mã số thuế:……

2. Địa chỉ địa điểm thu gom hàng lẻ:……..

3. Diện tích địa điểm thu gom hàng lẻ:……

4. Vị trí của địa điểm thu gom hàng lẻ: (ghi rõ vị trí địa điểm thu gom hàng lẻ xin cấp mã nằm tại khu vực nào trong cảng)

5. Hệ thống trang thiết bị của địa điểm thu gom hàng lẻ: (ghi rõ về thực trạng hệ thống camera giám sát, hệ thống phần mềm kết nối với cơ quan hải quan của địa điểm thu gom hàng lẻ).

Đề nghị Cục Hải quan tỉnh ….. xem xét cấp mã địa điểm thu gom hàng lẻ nêu trên để Công ty thực hiện khai hải quan đối với hàng hóa xuất nhập khẩu theo đúng quy định./.

GIÁM ĐỐC DOANH NGHIỆP
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu số 04

TỔNG CỤC HẢI QUAN
CỤC HẢI QUAN.....

Số: ...../BB-XNLHT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN XÁC NHẬN LƯỢNG HÀNG TỒN
tại .....(1)

Hôm nay, hồi ..... ngày ... tháng .... năm ..... tại ....., Chúng tôi gồm:

I. Đại diện cơ quan Hải quan:

1. Ông(bà):.....Chức vụ:..... Đơn vị .....

2. Ông(bà):.....Chức vụ:..... Đơn vị .....

II. Đại diện theo pháp luật của tổ chức, cá nhân:

1. Ông(bà):.....Chức vụ:..... Đơn vị .....

2. Ông(bà):.....Chức vụ:..... Đơn vị .....

Xác nhận kết quả kiểm tra lượng hàng tồn tại (1)..... như sau:

STT	Tên hàng	Đơn vị tính	Số lượng tồn	Ghi chú
1				
2				
3				

Biên bản kết thúc vào hồi .....giờ..... ngày..... tháng..... năm .....

Biên bản được lập thành ....bản; mỗi bản gồm .....tờ; có nội dung và giá trị như nhau. Đã giao cho...01 bản.

Sau khi đọc biên bản, những người có mặt đồng ý về nội dung biên bản và cùng ký vào biên bản.

3. Ý kiến bổ sung khác (nếu có).

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

ĐẠI DIỆN CƠ QUAN HẢI QUAN
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú: (1) Ghi tên cửa hàng miễn thuế, địa điểm, kho bãi xác nhận lượng hàng tồn.

Mẫu số 05

TỔNG CỤC HẢI QUAN **CỤC HẢI QUAN .....**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /.....	*Hà Nội, ngày tháng năm*

THÔNG BÁO
Về việc chấm dứt hoạt động kinh doanh hàng miễn thuế

Cục Hải quan tỉnh/thành phố ..... thông báo chấm dứt hoạt động kinh doanh hàng miễn thuế như sau:

- Tên doanh nghiệp:..... .....
- Mã số thuế:.....
- Trụ sở chính tại:..... .....
- Giấy chứng nhận …(1).. số: ……..... ngày….tháng…..năm…..;
- Cơ quan cấp:..... .....
- Ngành nghề kinh doanh: …….. (chỉ kê ngành nghề kinh doanh liên quan đến kinh doanh hàng miễn thuế, kho bãi, địa điểm)
- Văn bản công nhận đủ điều kiện kinh doanh hàng miễn thuế số ..... (2) ngày... tháng .... năm .... cơ quan cấp. .....
- Lý do thông báo chấm dứt : ....
- Nội dung khác: (giám sát hàng hóa, lập báo cáo quyết toán, xử lý hàng tồn, ...)

Nơi nhận: - Tổng cục Hải quan; - Chi cục Hải quan quản lý hoạt động kinh doanh hàng miễn thuế; - Cục Hải quan....(3) - Công ty ..... - Lưu:	**LÃNH ĐẠO CỤC HẢI QUAN** *(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu Cục)*

Ghi chú:

(1) Ghi rõ loại giấy tờ theo quy định tại khoản 4 Điều 81 Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ.

(2) Ghi số, ngày, tháng, năm và cơ quan cấp phép hoạt động kinh doanh hàng miễn thuế.

(3) Trường hợp doanh nghiệp kinh doanh hàng miễn thuế hoạt động theo Điều 22 Nghị định số 167/2016/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2016 thì thực hiện gửi cho các Cục Hải quan tỉnh thành phố nơi doanh nghiệp có hoạt động kinh doanh hàng miễn thuế.